

*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2015***BÁO CÁO****Đánh giá tình hình triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới  
giai đoạn 2011-2015, đề xuất giai đoạn 2016 - 2020**

Thực hiện Công văn số 1347/BLĐT BXH-BĐG ngày 16/04/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Báo cáo đánh giá tình hình triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015, đề xuất giai đoạn 2016-2020, Bộ Tư pháp báo cáo cụ thể như sau:

**PHẦN I****TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA NGÀNH TƯ PHÁP GIAI ĐOẠN 2011-2015****I. Đánh giá việc tổ chức quán triệt, triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hành động hàng năm và đến năm 2015 của đơn vị:**

Triển khai thực hiện Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 phê duyệt Chương trình Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của Ngành Tư pháp giai đoạn 2011-2015 (phê duyệt kèm theo Quyết định số 4155/QĐ-BTP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), trong đó xác định rõ mục tiêu tổng quát, các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới và trong bảo đảm quyền bình đẳng giới trong ngành Tư pháp, phù hợp với thực tiễn công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ (VSTBPN) của ngành Tư pháp.

Bộ Tư pháp đã nghiêm túc triển khai Kế hoạch đến toàn thể các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp và Cục THADS các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở Kế hoạch chung giai đoạn 2011-2015 nêu trên, hàng năm, Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch bình đẳng giới và VSTBPN của Bộ, Ban VSTBPN ngành Tư pháp ban hành Chương trình công tác năm và hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp và Cục THADS các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo sơ kết 06 tháng và tổng kết năm về Ban VSTBPN ngành Tư pháp. Công tác tuyên truyền và tập huấn về bình đẳng giới được Bộ xác định là hoạt động ưu tiên hàng đầu trong năm đầu tiên triển khai Chiến lược. Thông qua các hoạt động tập

huấn, hội thảo, tọa đàm, nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ công chức làm công tác bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ cũng như toàn bộ công chức trong Bộ, ngành Tư pháp đã nâng cao hơn so với trước.

## **II. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới trong ngành Tư pháp**

### **1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới**

Để nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới, Bộ Tư pháp đã thành lập Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp (năm 1996) đồng thời hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện thành lập Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tại các đơn vị thuộc Bộ. Trên cơ sở đó, hệ thống các cơ quan thi hành án dân sự đã thành lập Ban vì sự tiến bộ phụ nữ trong toàn hệ thống; các đơn vị thuộc Bộ đã thành lập hoặc bố trí cán bộ kiêm nhiệm công tác vì bình đẳng giới của cơ quan đơn vị. Hàng năm, do biến động về nhân sự trong các cơ quan, đơn vị, Bộ Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ cũng đã kịp thời củng cố và kiện toàn các Ban và cán bộ làm công tác bình đẳng giới của Bộ, ngành nhằm bảo đảm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cá nhân phụ trách công tác bình đẳng giới của Bộ, ngành và của từng cơ quan, đơn vị. Trong giai đoạn 2011-2015, hàng năm Bộ đều có chương trình bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng thực hiện hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới trong hoạt động chung hoặc trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành

### **2. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo trong đơn vị**

Công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ nữ giữ vị trí lãnh đạo và quản lý đã được Ban Cán sự, Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ Tư pháp quan tâm và chỉ đạo sâu sát, trong đó Kế hoạch số 41-KH/BCS ngày 02/5/2012 của Ban Cán sự Đảng về điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2012 - 2015 và xây dựng Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ Tư pháp, yêu cầu tỷ lệ cán bộ nữ đạt tối thiểu 20-30% ở mỗi chức danh quy hoạch. Thực hiện Kế hoạch này của Ban Cán sự, Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ đã thực hiện tốt công tác quy hoạch bảo đảm vượt mức yêu cầu mà Kế hoạch đã đề ra, trong đó Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2021; Quy hoạch lãnh đạo cấp Vụ giai đoạn 2012 - 2015; giai đoạn 2016 - 2021 và những năm tiếp theo của các đơn vị thuộc Bộ đều bảo đảm trên 50% công chức nữ được quy hoạch vào mỗi vị trí lãnh đạo cấp Phòng, cấp Vụ các đơn vị thuộc Bộ. Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lãnh đạo Bộ giai đoạn 2010 - 2015; Quy hoạch rà soát, bổ sung Lãnh đạo Bộ Tư pháp giai đoạn 2013-2016 được Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt có 04/10 cán bộ là nữ nằm trong Quy hoạch, đạt tỷ lệ 40%, trong đó quy hoạch chức danh Bộ trưởng có 01/01 là cán bộ nữ, quy hoạch chức danh Thứ trưởng có 03/09 là cán bộ nữ.

Về bổ nhiệm cán bộ, tính đến thời điểm hiện nay Bộ Tư pháp có 1.099/1.863 cán bộ, công chức, viên chức là nữ thuộc Bộ (chiếm tỷ lệ 59%) tăng 3% so với năm 2010 (thời điểm tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2001-2010), trong đó, có 29/154 lãnh đạo cấp Vụ là nữ (đạt tỷ lệ 19%), tăng 1,5% so với thời điểm tổng kết Chiến lược giai đoạn 2001-2010; có 173/312 lãnh đạo cấp Phòng là nữ đạt tỷ lệ 55.4% (tăng 2,23% so với thời điểm tổng kết 10 năm giai đoạn 2001-2010).

Công tác phát triển đảng viên, đưa đảng viên nữ tham gia cấp ủy các cấp cũng được Bộ Tư pháp triển khai thực hiện một cách hiệu quả. Cụ thể, theo số liệu thống kê số công chức nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2011-2015 là 90/197 (chiếm 45.69%), về số đảng viên kết nạp, trong các năm từ 2011 - 2015 tỷ lệ đảng viên nữ Bộ Tư pháp được kết nạp luôn chiếm trên 50%.

- Đối với hệ thống cơ quan thi hành án dân sự, Tổng cục Thi hành án dân sự đã tiếp tục tham mưu giúp Lãnh đạo Bộ kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị chuyên môn thuộc Tổng cục. Tính đến nay, số cán bộ, công chức nữ trong toàn ngành thi hành án dân sự là 3.974 ở địa phương và 71 ở Tổng cục, trên tổng số 9.746 biên chế hiện có và 9.891 biên chế được phân bổ (chiếm 41,51% số công chức hiện có), trong đó:

+ Tại Tổng cục Thi hành án dân sự: 71 công chức nữ (trên tổng số 135 biên chế hiện có/150 biên chế được phân bổ), chiếm 53% số công chức hiện có. Trong đó, số nữ cán bộ giữ vị trí lãnh đạo cấp Vụ của Tổng cục là 08/23 cán bộ cấp Vụ (gồm 03 Vụ trưởng và 05 Phó Vụ trưởng, đạt tỷ lệ gần 35%); có 04 đảng viên nữ là Bí thư chi bộ cơ sở, có 03 đảng viên nữ là Bí thư chi bộ cơ sở, trong đó có 03/9 đồng chí tham gia Đảng ủy Đảng bộ Tổng cục; 06 nữ /09 ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Tổng cục; 04 nữ/09 ủy viên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Tổng cục.

Về trình độ chuyên môn: trong số 71 công chức nữ của Tổng cục Thi hành án dân sự, có 11 thạc sỹ và 03 đang học thạc sỹ; 14 chuyên viên chính/thẩm tra viên chính; 50 chuyên viên: 07 ngạch khác. Trình độ cao cấp chính trị: 15 cao cấp chính trị, 55 trung cấp chính trị: 07 sơ cấp chính trị.

Lãnh đạo Tổng cục và các tổ chức đoàn thể của Tổng cục luôn thể hiện sự quan tâm và ủng hộ các hoạt động dành cho nữ cán bộ, công chức. Cùng với Công đoàn Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự đã tổ chức cho cán bộ công chức nói chung và cán bộ, công chức nữ nói riêng được định kỳ kiểm tra, khám sức khỏe 01 lần trong năm; kịp thời động viên, thăm hỏi khi cán bộ nữ đau ốm, sinh đẻ...; tặng quà nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, 20/10... Đối với chế độ nâng lương trước thời hạn, năm 2014, Tổng cục có 11 công chức được nâng lương trước thời hạn, trong đó có 08 công chức nữ, chiếm 73%.

- Tại các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương: hiện nay có 02/63 Cục trưởng nữ là Nam Định, Ninh Thuận (chiếm tỷ lệ 3%) và 12/117 Phó Cục

trường nữ (chiếm tỷ lệ 10%, tăng so với những năm trước là 02). Số nữ lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Cục, Chi cục: Trưởng phòng và tương đương: 120/535, chiếm tỷ lệ 22%; Phó Trưởng phòng và tương đương: 175/ 651 chiếm tỷ lệ 27%.

### **3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong thụ hưởng và bồi dưỡng của đơn vị**

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Bộ Tư pháp nói chung và cán bộ, công chức, viên chức nữ nói riêng luôn được Bộ Tư pháp quan tâm, chú trọng. Trong 5 năm từ 2011 đến 2013, Bộ Tư pháp đã phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành Tư pháp giai đoạn 2011-2020; Đề án Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngành Tư pháp giai đoạn 2011 – 2015; Quy chế chọn, cử và quản lý cán bộ, công chức Bộ Tư pháp đi đào tạo, bồi dưỡng, trong đó xác định rõ việc ưu tiên phát triển và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nữ của Ngành trong trường hợp cán bộ, công chức, viên chức nam và cán bộ, công chức, viên chức nữ bằng nhau về các điều kiện, tiêu chuẩn cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Trong 5 năm (từ 2011 đến 2015) số cán bộ, công chức, viên chức nữ của Bộ được cử tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước, lý luận chính trị là luôn chiếm trên 50%. Riêng trong năm 2014, Bộ Tư pháp đã cử 156 công chức, viên chức nữ/289 tổng số công chức, viên chức của Bộ tham gia bồi dưỡng lý luận chính trị, thạc sỹ, tiến sỹ, quản lý hành chính nhà nước, ngoại ngữ, tin học, học tập ở nước ngoài (chiếm 53%). Cuối năm 2013 và trong năm 2014, Bộ đã tổ chức 03 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, lãnh đạo quản lý của đội ngũ cán bộ nữ trong ngành Tư pháp tại ba miền Bắc, Trung, Nam, thông qua đó tăng cường vị trí, vai trò của cán bộ nữ trong ngành Tư pháp. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hiện nay, ở cơ quan Bộ, số công chức trình độ trên đại học là 85% công chức/tổng số công chức của Bộ (trong đó có 62% công chức nữ và 38% công chức nam). Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay Bộ Tư pháp đã đạt và vượt mức chỉ tiêu Kế hoạch đặt ra là 26%. Như vậy, có thể thấy năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ không ngừng được nâng lên, qua đó phát huy tốt vai trò của phụ nữ trong việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Ngành.

### **4. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu bảo đảm bình đẳng giới trong thực hiện các chế độ, chính sách**

Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới trong công tác tổ chức cán bộ được quy định tại Điều 31 Luật bình đẳng giới, Bộ Tư pháp luôn đảm bảo bình đẳng trong thực hiện tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển. Trong công tác tuyển dụng công chức những năm qua, tỷ lệ tuyển dụng công chức nữ luôn đạt trên 80%. Thực tế hiện nay, phụ nữ là đối tượng chịu thiệt thòi và bị hạn chế các điều kiện, cơ hội hơn so với nam, do đó, để thực hiện

các mục tiêu bình đẳng giới, Bộ đã quan tâm, chú trọng hơn đến công tác nữ, nâng cao năng lực đội ngũ công chức nữ, từng bước xóa bỏ khoảng cách và định kiến giới, thực hiện các chế độ, chính sách để tạo điều kiện cho phụ nữ được làm việc, phấn đấu và khẳng định vị trí, vai trò của mình.

Để bảo đảm xây dựng đội ngũ công chức nữ có sức khỏe, trí tuệ, có lối sống văn hóa, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước cũng như xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, Bộ Tư pháp luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với công chức nữ như: chế độ ốm đau, thai sản, gia đình chính sách, khám sức khỏe định kỳ. Hàng năm, Bộ Tư pháp đã tổ chức khám, chữa bệnh cho chị em phụ nữ, tổ chức các buổi nói chuyện về chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện kế hoạch hoá gia đình; khen thưởng kịp thời các công chức nữ có thành tích xuất sắc trong công tác; động viên công chức nữ tham gia các phong trào nữ công “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”; tổ chức các ngày lễ kỷ niệm 8/3, 20/10. Tổ chức hội thảo tư vấn cho công chức nữ có con ở độ tuổi vị thành niên, hội thảo về bình đẳng giới; tổ chức các buổi sinh hoạt nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần cho cán bộ, công chức trong cơ quan như: đánh cầu lông, Yoga, khiêu vũ...

Nhìn chung, Bộ Tư pháp đã thực hiện tốt các chính sách về bình đẳng giới và VSTBPN, thông qua đó tạo điều kiện và cơ hội phát triển như nhau cho cả nam và nữ, qua đó đạt được những kết quả quan trọng trong thực hiện bình đẳng giới trong ngành Tư pháp.

#### **5. Đánh giá vai trò và hiệu quả hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ:**

Triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và các Nghị định hướng dẫn thi hành, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015, ngay từ đầu các năm từ năm 2011 đến năm 2015, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp đã xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ, trong đó cụ thể hóa các mục tiêu về bình đẳng giới; hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Tư pháp và Cục Thi hành án dân sự xây dựng kế hoạch hành động về bình đẳng giới của đơn vị, trong đó đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thông tin; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan tư pháp và thi hành án dân sự địa phương thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác chuyên môn của Bộ, Ngành. Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu bình đẳng giới góp phần thúc đẩy bình đẳng giới thực chất trong cơ quan, đơn vị nói riêng và xã hội nói chung.

#### **6. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới**

Thực hiện việc lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật theo yêu cầu của Luật Bình đẳng giới và Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới,

bảo đảm hoàn thiện một quy trình chung, thống nhất cho việc lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật và tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các Bộ, ngành trong lồng ghép giới trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, năm 2014 Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014, quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đồng thời ban hành Bộ công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đây là những công cụ quan trọng để quá trình lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được đi vào nền nếp và phát huy hiệu quả trong hoàn thiện chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

## **PHẦN II**

### **TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA NGÀNH TƯ PHÁP GIAI ĐOẠN 2011-2020**

#### **I. Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng các VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo**

##### ***1. Về quan điểm chỉ đạo thực hiện lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL***

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL được xác định là một trong những biện pháp bảo đảm bình đẳng giới (quy định tại Điều 21 Chương III Luật Bình đẳng giới). Xác định được vị trí, tầm quan trọng của biện pháp này, Bộ Tư pháp luôn quán triệt và quan tâm thực hiện lồng ghép giới trong quá trình xây dựng các VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, đặc biệt là các văn bản có nội dung mang tính nhạy cảm về giới. Một trong các quan điểm chỉ đạo xây dựng các dự án Luật do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo là bảo đảm bình đẳng giới, tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền con người trong lĩnh vực dân sự, hình sự, hộ tịch, hôn nhân và gia đình; bảo vệ bà mẹ, trẻ em và những người yếu thế trong xã hội; quyền, lợi ích của người khác, của nhà nước và xã hội.

Đặc biệt trong giai đoạn này, Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã triển khai nhiều hoạt động hướng dẫn, quản lý để bảo đảm hiệu quả công tác lồng ghép giới trong văn bản quy phạm pháp luật. Năm 2011-2013, Bộ Tư pháp đã triển khai xây dựng và phát hành Bộ công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở kết quả triển khai Bộ Công cụ, Bộ cũng thực hiện việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 13/8/2014, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 17/TT-BTP quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cũng là công cụ giúp cho các công chức trực tiếp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có thể thực hiện tốt hơn việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình soạn thảo, thẩm định và thông qua văn bản quy phạm pháp luật. Đồng

thời việc tập huấn, hướng dẫn kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trên cơ sở Bộ công cụ lồng ghép giới và Thông tư số 17/TT-BTP được đặc biệt quan tâm. Trong giai đoạn từ năm 2011-2015, Bộ (Ban vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Tư pháp) đã tổ chức được 05 lớp tập huấn về kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới cho các công chức thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành và của các Sở Tư pháp trong phạm vi cả nước.

## ***2. Về thành phần Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Hội đồng thẩm định dự thảo VBQPPL***

Thành phần Ban soạn thảo, Tổ biên tập các VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo luôn bảo đảm tỷ lệ hợp lý về giới; đồng thời bảo đảm có sự tham gia của đại diện một số cơ quan liên quan đến bình đẳng giới như: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đại diện của các cơ quan nghiên cứu, các chuyên gia về giới công tác và giảng dạy tại các Viện Nghiên cứu, các cơ sở đào tạo Luật.

## ***3. Lồng ghép bình đẳng giới trong quy trình xây dựng VBQPPL***

a) *Tổng kết thực tiễn thi hành*: trong tổng kết thực tiễn thi hành Luật, vấn đề bình đẳng giới được xác định là một nội dung quan trọng, làm cơ sở cho việc đưa ra các nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể đối với từng văn bản Luật. Ví dụ: khi tổng kết thực tiễn thi hành BLHS, một số vấn đề liên quan đến bình đẳng giới được đưa vào nội dung tổng kết như: nội dung đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định tại phần chung của BLHS hiện hành về hệ thống hình phạt, nguyên tắc áp dụng hình phạt, các quy định đối với người chưa thành niên, các tội xâm hại tình dục đối với trẻ em và phụ nữ, các tội phạm trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, v.v... hoặc khi tổng kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới được đưa vào tổng kết như vấn đề tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền con người về hôn nhân và gia đình; vấn đề bảo vệ bà mẹ, trẻ em; quyền, lợi ích của cá nhân về hôn nhân và gia đình, v.v...

b) *Rà soát VBQPPL*: trong quá trình xây dựng VBQPPL, Bộ Tư pháp tiến hành rà soát, đánh giá tính tương thích của các văn bản hiện hành với các Điều ước quốc tế liên quan đến việc bảo vệ quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em; trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng giới, tiến hành rà soát các VBQPPL có liên quan như: Bộ luật dân sự, Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật nuôi con nuôi và các văn bản pháp luật khác có liên quan, nhằm tìm ra những hạn chế của các quy định pháp luật liên quan đến bình đẳng giới trong lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh, qua đó đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung trong từng dự thảo Luật cụ thể.

Năm 2014, Bộ Tư pháp đã rà soát các văn bản QPPL hiện hành nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản trên cơ sở bảo đảm bình đẳng giới trong ngành, lĩnh vực do Bộ, ngành Tư pháp quản lý. Trên cơ sở kết quả rà soát, năm

2014, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ đề Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật hộ tịch, Luật Hôn nhân gia đình, hoàn thành việc xây dựng dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi), Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất) để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến. Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 124/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình trong đó xác định rõ việc áp dụng các nguyên tắc về hôn nhân có yếu tố nước ngoài, áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình phải tuân thủ nguyên tắc: Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con; nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình; hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ...

Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đã tập trung rà soát, xây dựng và ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động TGPL (Thông tư số 11/2014/TT-BTP ngày 17/4/2014 quy định bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật) theo đó, chú trọng các biện pháp bảo đảm để thực hiện các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ cho người được trợ giúp pháp lý là người mẹ, trẻ em gái, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị mua bán, nạn nhân bị xâm hại tình dục; ban hành Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20/5/2014 hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế; ban hành Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014, quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, Bộ đã nghiên cứu xử lý thông tin trả lời báo chí về danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ quy định tại Thông tư số 26/2013/TT-BLĐ-TB&XH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động thương binh và xã hội thu hút sự quan tâm chú ý của dư luận xã hội tại thời điểm Thông tư có hiệu lực.

*c) Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động:* báo cáo đánh giá tác động về bình đẳng giới luôn là một nội dung bắt buộc đối với tất cả các dự án, dự thảo Luật do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo. Trong quá trình xây dựng Báo cáo đánh giá tác động, Bộ Tư pháp luôn huy động sự tham gia của Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Trung ương Hội



Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia về giới.

Thực hiện tinh thần cắt giảm và không tăng thêm thủ tục hành chính trong xây dựng VBQPPL, báo cáo đánh giá tác động về giới được xây dựng thành một phần nội dung của Báo cáo đánh giá tác động của dự án, dự thảo VBQPPL.

*d) Lấy ý kiến về vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo VBQPPL:* Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với dự thảo VBQPPL đối với các dự án Luật. Tổ chức các Hội thảo khoa học để lấy ý kiến các chuyên gia về giới, các nhà khoa học đối với các dự thảo VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo như Hội thảo bình đẳng giới trong dự án Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hộ tịch, Luật Ban hành VBQPPL, v.v...).

#### ***4. Một số nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới trong các dự án Luật do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành***

##### ***4.1. Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi)***

- Xác định phạm vi điều chỉnh của Luật: quy định chế độ hôn nhân và gia đình; chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam, đảm bảo tôn trọng và bảo vệ các quyền con người về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới; trách nhiệm của công dân, Nhà nước và xã hội trong việc xây dựng, củng cố chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

- Quy định về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam, trong đó có các nguyên tắc: hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử về giới và mọi sự phân biệt đối xử khác giữa các con và giữa các thành viên khác trong gia đình; Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ phụ nữ, trẻ em, giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ.

- Quy định về áp dụng phong tục, tập quán trong các quan hệ hôn nhân và gia đình; điều kiện kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; vấn đề chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quyền, nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng; đại diện giữa vợ và chồng; chế độ tài sản trong hôn nhân; ly thân và ly hôn; xác định cha, mẹ, con; mang thai hộ; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản giữa cha mẹ và con; quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con trong các trường hợp cha mẹ không có hôn nhân, ly thân, ly hôn hoặc bị hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và xã hội đối với gia đình nói chung và

trong bình đẳng giới trong gia đình nói riêng.

4.2. *Luật Hộ tịch*: phạm vi tác động xã hội và đối tượng áp dụng các quy định thủ tục đăng ký hộ tịch là khá rộng, các quy định của pháp luật về hộ tịch tác động gần hết mọi chủ thể trong xã hội. Các thủ tục được quy định trong Luật Hộ tịch được xây dựng trên cơ sở không phân biệt giới. Tuy nhiên, do các đặc trưng giới tính và các điều kiện, hoàn cảnh sống khác nhau tác động của quy phạm đối với mỗi giới cũng khác nhau. Vì vậy, việc xây dựng quy phạm không phân biệt đối xử về giới vẫn khó tránh khỏi việc tiềm ẩn những vấn đề bất bình đẳng giới đối với nam hoặc nữ. Để bảo vệ sự bình đẳng về vai trò, địa vị của phụ nữ và nam giới trong đăng ký hộ tịch, đồng thời bảo vệ lợi ích tốt nhất cho trẻ em theo tinh thần Điều 16 Công ước CEDAW, Luật hộ tịch chú trọng đến việc thiết lập các quy định về thủ tục đăng ký hộ tịch. Cụ thể là:

- Bình đẳng trong việc xác định thẩm quyền đăng ký hộ tịch theo nơi cư trú của người mẹ hoặc người cha trong đăng ký khai sinh, của cả nam và nữ trong đăng ký kết hôn. Quy định rõ nơi cư trú là nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú hoặc nơi cá nhân đang thực tế sinh sống.

- Cấp Số định danh công dân cho cả nam và nữ, không có sự phân biệt nam hay nữ.

- Thiết lập nguyên tắc về bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân trong việc ghi chép, thể hiện dữ liệu hộ tịch trong Sổ hộ tịch.

- Đề nâng cao hiệu quả đăng ký hộ tịch, hạn chế tình trạng không đăng ký hộ tịch, đăng ký quá hạn, Luật đã quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của mỗi cá nhân, không phân biệt giới tính (Điều 8); trách nhiệm của cả cha, mẹ trong việc đăng ký khai sinh cho con (Điều 15).

- Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi Luật hộ tịch, cụ thể: xác định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Bộ Tư pháp trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới quy định trong Luật hộ tịch; xác định trách nhiệm của tất cả các chủ thể có liên quan như công chức làm công tác hộ tịch, viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, Ủy ban nhân dân các cấp, Cơ quan đạo diện ngoại giao trong việc thực hiện bình đẳng giới.

4.3. *Bộ luật dân sự (sửa đổi)*: kế thừa và phát huy các quy định bảo đảm vấn đề bình đẳng giới trong Bộ luật dân sự hiện hành. Đồng thời, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định còn có bất cập, hạn chế về vấn đề giới (chưa bảo đảm vấn đề giới hoặc có bảo đảm nhưng mới bình đẳng giới về hình thức) theo hướng bảo đảm bình đẳng giới thực chất, trong đó tập trung vào các chế định cơ bản như: áp dụng phong tục, tập quán trong các quan hệ dân sự; các nguyên tắc cơ bản của quan hệ dân sự; năng lực chủ thể của cá nhân; quyền nhân thân của cá nhân (đặc biệt các chế định liên quan đến quyền họ, tên, dân tộc, quốc tịch,

xác định lại giới tính, các quyền về hôn nhân và gia đình...); giám hộ; hộ gia đình; đại diện; giao dịch; quyền sở hữu (đặc biệt các quy định về sở hữu cá nhân và sở hữu chung); quyền của người không phải là chủ sở hữu; quyền trong bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; quyền, nghĩa vụ trong xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch có đối tượng là quyền sử dụng đất và nhà ở; thừa kế (đặc biệt quy định về di chúc, di sản, hàng thừa kế, phân chia di sản, thực hiện nghĩa vụ người chết để lại); hợp đồng; nghĩa vụ ngoài hợp đồng; quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

4.4. *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*: một trong những định hướng lớn sửa đổi, bổ sung BLHS lần này là nhằm bảo vệ tốt hơn các quyền con người nói chung, quyền của người chưa thành niên và phụ nữ nói riêng. Theo đó, Dự án Luật tập trung nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến các chế định về loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn, giảm hình phạt; giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ, hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt tử hình.

4.5. *Luật Ban hành VBQPPL (hợp nhất)*: để nâng cao hiệu quả việc lồng ghép giới trong xây dựng VBQPPL, trong năm 2013, 2014, Bộ Tư pháp đã tập trung nghiên cứu, sửa đổi Luật Ban hành VBQPPL (hợp nhất). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, bảo đảm thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng VBQPPL phù hợp với chức năng tham mưu quản lý nhà nước về xây dựng pháp luật của Bộ Tư pháp. Theo đó, dự kiến nội dung sửa đổi, bổ sung lồng ghép vấn đề giới quy định ở các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, pháp điển hóa (luật hóa) các quy định về lồng ghép VDBĐG trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Luật bình đẳng giới và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn Luật (trong đó có Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật); đồng thời thể chế hóa nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp 2013; bổ sung một số quy định khác nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

*Thứ hai*, xác lập nguyên tắc “Bảo đảm lồng ghép VDBĐG trong xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật” trong Luật để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Bình đẳng giới. Theo đó, “*công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân*” trong quy trình xây dựng chính sách pháp luật.

*Thứ ba*, mở rộng phạm vi các văn bản pháp luật có lồng ghép VDBĐG: So với hai luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, ngoài dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết đã được đề cập có lồng ghép VDBĐG (điều 47 Luật năm 2008), dự thảo Luật đã mở rộng phạm vi các văn bản pháp luật cần lồng ghép VDBĐG đến nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng

Chính phủ, thông tư của bộ, cơ quan ngang bộ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật giao và để quy định chi tiết các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ có chứa đựng các chính sách bình đẳng giới (tại các Điều 74, 75, 82, 86, 87, 90, 94 và Điều 95).

*Thứ tư*, Luật bổ sung, hoàn thiện các quy định về nội dung, quy trình, thủ tục, hồ sơ lồng ghép VDBĐG trong toàn bộ quá trình xây dựng, ban hành văn bản pháp luật, bắt đầu từ giai đoạn đề nghị xây dựng chương trình, phân tích chính sách đến giai đoạn soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và thông qua dự án, dự thảo văn bản.

*Thứ năm*, nguồn lực tài chính để thực hiện Luật, bao gồm: ngân sách Nhà nước và các nguồn lực từ xã hội. Việc lồng ghép VDBĐG trong xây dựng và thi hành văn bản pháp luật không làm phát sinh quy trình hay công việc khác ngoài quy trình chung mà chỉ là một nội dung được lồng ghép trong từng công việc, công đoạn của việc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản pháp luật. Nếu trong dự án, dự thảo văn bản pháp luật có các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới thì trong nội dung đánh giá tác động sẽ làm rõ chi phí - lợi ích của việc thi hành các biện pháp này và nguồn lực bảo đảm phải được quy định ngay trong tổng nguồn lực bảo đảm thi hành văn bản đó.

Quy định của dự thảo Luật nêu trên với tính chất là luật về làm luật, đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản của thực tiễn hiện nay nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về bình đẳng giới, bảo đảm sự phù hợp với các cam kết quốc tế.

## **5. Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong thẩm định các VBQPPL**

5.1. Thực hiện chức năng thẩm định các dự thảo VBQPPL, Bộ Tư pháp đã từng bước thực hiện tốt việc đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình thẩm định các dự thảo VBQPPL trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội. Từ năm 2014 đến nay, nhất là từ khi Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 được ban hành, 100% văn bản được Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định đều xem xét vấn đề giới trong dự thảo văn bản.

5.2. Xem xét, đánh giá về vấn đề bình đẳng giới là một nội dung độc lập và bắt buộc trong thẩm định đối với tất cả dự thảo, dự án VBQPPL.

5.3. Đối với các văn bản có nội dung tiềm ẩn nguy cơ bất bình đẳng giới, Bộ Tư pháp đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung và chỉnh lý dự thảo phù hợp với quy định của Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy định chi tiết thi hành, đặc biệt là những văn bản có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái như: Bộ luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi, Nghị định hướng dẫn về độ tuổi nghỉ hưu trong Bộ luật lao động; các VBQPPL trong lĩnh

vực chăm sóc sức khỏe của phụ nữ; chính sách nghỉ hưu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại v.v....

5.4. Thành phần của Hội đồng thẩm định luôn bảo đảm tỷ lệ về giới hợp lý và có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới, một số cơ quan, tổ chức có liên quan như: Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch.

5.5. Kết quả các văn bản do Bộ Tư pháp xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền thông qua, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền có tính nhạy cảm về giới đều có quy định mang tính nguyên tắc hoặc cụ thể về phương án bảo đảm bình đẳng giới; kết quả thẩm định VBQPPL của Bộ Tư pháp đối với các văn bản do các Bộ, ngành khác soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành đều có kiến nghị cụ thể đối với các nội dung quy định có nguy cơ gây bất bình đẳng giới, v.v...

Đối với các văn bản do các Bộ ngành soạn thảo, qua công tác thẩm định, Bộ Tư pháp nhận thấy hầu hết các Bộ ngành chủ trì soạn thảo đã chú trọng vấn đề lồng ghép giới nhưng chưa tuân thủ quy trình, thủ tục lồng ghép giới cũng như phân tích giới một cách sâu sắc trong quá trình soạn thảo.

Tính đến ngày 15/5/2015, Vụ VĐCXDPL đã chủ trì tổ chức Hội đồng thẩm định và cuộc họp tư vấn thẩm định đối với 69 dự án, dự thảo văn bản, cụ thể:

Năm 2013, thẩm định 32 văn bản trong đó có 02 dự án luật (Luật công chứng, Luật hôn nhân và Gia đình), 06 dự thảo nghị định của Chính phủ, 09 dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 15 dự thảo thông tư (tất cả các văn bản đều được thẩm định theo cơ chế hội đồng). Trong quá trình thực hiện việc thẩm định Vụ VĐCXDPL đã có sự xem xét, đánh giá về lồng ghép giới trong giai đoạn soạn thảo văn bản cũng như bước đầu xem xét, đánh giá về vấn đề giới trong quá trình soạn thảo (cụ thể mời các chuyên gia về giới tham gia các Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến tham vấn). Qua nghiên cứu hồ sơ của các dự án, dự thảo văn bản Vụ nhận thấy việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bước đầu đã đi vào nề nếp và được các cơ quan chủ trì soạn thảo chú trọng, đã có một số luật thực hiện tốt việc lồng ghép giới trong xây dựng văn bản pháp luật như Luật Hôn nhân và gia đình. Bên cạnh đó, nhiều hồ sơ dự án, dự thảo văn bản khi báo cáo về lồng ghép bình đẳng giới thì đều cho rằng dự thảo văn bản quy định trung tính không có các quy định mang tính nhạy cảm giới, phân biệt giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng về giới.

Năm 2014 thẩm định đối với 33 dự án, dự thảo văn bản, trong đó có 04 dự án luật, 10 Nghị định; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 01 Nghị quyết của UBTWQH và 17 thông tư, thông tư liên tịch (tất cả các văn bản đều được thẩm định theo cơ chế hội đồng). Trong quá trình thực hiện việc thẩm định Vụ VĐCXDPL đã có sự xem xét, đánh giá về lồng ghép giới trong giai đoạn soạn

thảo văn bản cũng như bước đầu xem xét, đánh giá về vấn đề giới trong quá trình soạn thảo (cụ thể mời các chuyên gia về giới tham gia các Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến tham vấn).

Năm tháng đầu năm 2015, thực hiện thẩm định đối với 1 nghị định, 3 thông tư do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo.

Qua nghiên cứu hồ sơ của các dự án, dự thảo văn bản Bộ Tư pháp nhận thấy việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bước đầu đã đi vào nề nếp và được các cơ quan chủ trì soạn thảo chú trọng, đã có một số luật thực hiện tốt việc lồng ghép giới trong xây dựng văn bản pháp luật như Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật hình sự (sửa đổi), Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật quốc tịch (sửa đổi). Đặc biệt đối với Bộ luật hình sự (sửa đổi) và Bộ luật dân sự (sửa đổi), cơ quan chủ trì soạn thảo đã chú trọng thực hiện tốt việc lồng ghép giới trong tất cả các giai đoạn xây dựng cũng như trong nội dung của Bộ luật như: thực hiện lồng ghép bình đẳng giới trong tổ chức, thực hiện dự án luật (thành lập và xác định thành phần của Ban soạn thảo, Tổ biên tập, trong các hoạt động xây dựng dự án Bộ luật); xác định vấn đề giới trong thực hiện dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật hình sự (sửa đổi) trong đó dự báo các vấn đề nhạy cảm giới của dự án Bộ luật, đưa ra các biện pháp lồng ghép giới trong xây dựng dự thảo Bộ luật. Bên cạnh việc kế thừa, phát triển quy định hiện hành đã bảo đảm tốt vấn đề giới và bình đẳng giới, Bộ luật hình sự (sửa đổi) và Bộ luật dân sự (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung các quy định mới chỉ bảo đảm bình đẳng giới về hình thức, không thực chất hoặc tính khả thi còn chưa cao; bổ sung quy định các quan hệ có nhạy cảm giới nhưng chưa được Bộ luật hiện hành quy định hoặc quy định không cụ thể và rà soát, nghiên cứu đề lồng ghép vấn đề giới trong lĩnh vực dân sự (đối với Bộ luật dân sự (sửa đổi) vào các luật khác, văn bản dưới luật hoặc chính sách liên quan đến lĩnh vực dân sự cần được giải quyết trong Bộ luật. Bên cạnh đó, nhiều hồ sơ dự án, dự thảo văn bản khi báo cáo về lồng ghép bình đẳng giới thì đều cho rằng dự thảo văn bản quy định trung tính không có các quy định mang tính nhạy cảm giới, phân biệt giới, không có nguy cơ gây bất bình đẳng về giới.

## **II. Kết quả thực hiện Dự án truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới**

### **1. Kết quả thực hiện Dự án**

Đề đưa các quy định, mục tiêu, yêu cầu về bình đẳng giới vào đời sống xã hội, nâng cao nhận thức của các cơ quan Nhà nước và các tầng lớp nhân dân đối với vấn đề bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ đó triển khai thực hiện có hiệu quả công tác này, Bộ Tư pháp đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, tăng cường nguồn lực cho phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đã ban hành Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo

dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; ban hành Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở; phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBMTTQVN ngày 18/11/2014 giữa Chính phủ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn về việc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở... trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế luôn được quan tâm và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật.

- Để đưa các quy định, mục tiêu, yêu cầu về bình đẳng giới vào đời sống xã hội, nâng cao nhận thức của các cơ quan Nhà nước và các tầng lớp nhân dân đối với vấn đề bình đẳng giới và VSTBPN, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các cấp, các ngành, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến pháp luật, quán triệt sâu sắc nội dung các văn bản Luật mới và các văn bản pháp luật thiết thực với đời sống của người dân như: Hiến pháp năm 2013, các văn bản Luật mới vừa được Quốc hội thông qua và các văn bản pháp luật thiết thực với đời sống của người dân như: Luật đất đai; Luật hòa giải ở cơ sở; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật phòng, chống buôn bán người, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới,... bằng nhiều hình thức phong phú như: đặc san, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, sách hỏi đáp, tờ gấp, đề cương giới thiệu luật... trên Công Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, một số chuyên mục trên báo, đài Trung ương, địa phương, pháp chế Bộ, ngành.

Tiếp tục thực hiện Chương trình phối hợp số 14/CTPH-BTP-HLHPNVN ngày 10/01/2014 về việc đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2013 – 2017. Bộ cũng đã tích cực trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em trong nhiều chương trình, dự án có liên quan đến phụ nữ và người chưa thành niên... góp phần nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, về kiến thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng trong đời sống xã hội.

## **2. Kinh phí**

Hiện nay chưa có kinh phí riêng cho việc triển khai thực hiện Dự án này, kinh phí cho công tác truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới được lấy từ kinh phí Phổ biến giáo dục hàng năm của Bộ Tư pháp.

## **III. Kết quả thực hiện Dự án nâng cao năng lực và hiệu quản lý nhà nước về bình đẳng giới:**

### **1. Kết quả thực hiện Dự án**

Thể chế hóa đầy đủ, đồng thời tăng cường các biện pháp để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong

các lĩnh vực của đời sống dân sự, trong đó có vấn đề giới và bình đẳng giới, cũng như những tư tưởng, nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa về quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng giữa các chủ thể dưới góc độ giới thuộc mọi hình thức sở hữu và thành phần kinh tế đã được ghi nhận trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 48), Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020 (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 49) và đặc biệt Hiến pháp năm 2013 với mục tiêu cụ thể như sau:

- Thứ nhất, tạo cơ hội để mọi cá nhân không chỉ được hưởng năng lực pháp lý (khả năng được bình đẳng trên lý thuyết về mặt pháp lý) mà còn tạo điều kiện để họ được tiếp cận, bảo vệ các quyền dân sự của mình, từ đó, bảo đảm được sự bình đẳng giới thực chất trong các quan hệ dân sự;

- Thứ hai, tạo cơ chế pháp lý hữu hiệu để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của các cá nhân, trong đó có bình đẳng giới, đặc biệt là trong việc bảo vệ quyền, lợi ích của bên yếu thế, bên thiệt chí, bên ngay tình trong quan hệ dân sự;

- Thứ ba, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong các quy định của Bộ luật dân sự với quy định của pháp luật về bình đẳng giới, pháp luật khác có liên quan;

- Thứ tư, đóng góp vào việc thiết lập cơ chế bảo đảm bình đẳng giới thực chất trong các quan hệ dân sự theo quy định tại Điều 18 Luật bình đẳng giới, qua đó, thể hiện sự phù hợp và tương thích của pháp luật Việt Nam với Điều 1, 2, 3, 5, 9, 11, 13, 14, 15, 16 và Điều 23 Công ước về chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW), cũng như các khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW liên quan đến việc bảo đảm các quyền con người của phụ nữ và nam giới trong xã hội và trong các quan hệ dân sự;

- Thứ năm, góp phần khắc phục một số bất cập, tồn tại của việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực dân sự tại Việt Nam đã được nêu trong Báo cáo quốc gia về tình hình thực hiện Công ước CEDAW, thúc đẩy tiến trình bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa phụ nữ và nam giới trong các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dân sự.

## **2. Tình hình sử dụng kinh phí:**

- Năm 2014, Bộ Tư pháp được cấp kinh phí 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng chẵn*) cho việc thực hiện Dự án này, Bộ Tư pháp đã xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức Tọa đàm xin ý kiến của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức có liên quan về vấn đề Bình đẳng giới trong công tác xây dựng dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi) tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Năm 2015, Bộ Tư pháp được cấp 200.000.000 (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) cho việc thực hiện Dự án, hiện nay Bộ Tư pháp đã xây dựng Kế hoạch với



các hoạt động cụ thể như sau:

+ 02 Tọa đàm xin ý kiến của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức có liên quan về vấn đề Bình đẳng giới trong dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

+ Xây dựng Chuyên đề đánh giá vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)

+ Xây dựng Báo cáo chung về lồng ghép giới trong toàn bộ dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)

+ Học tập kinh nghiệm của Bộ luật dân sự nước ngoài về vấn đề Bình đẳng giới

#### **IV. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của Ngành**

Theo quy định của Luật Bình đẳng giới và các văn bản liên quan, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ thực hiện lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật và các lĩnh vực do Bộ quản lý. Hàng năm, Bộ Tư pháp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của Bộ trong đó đều lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào các nhiệm vụ chuyên môn như xây dựng pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, thi hành án dân sự, hành chính tư pháp, nuôi con nuôi... Cụ thể:

1. Trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý (TGPL), đối với hoạt động trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, xác định đây là một trong những hình thức quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, ngày 17/4/2014, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Thông tư số 11/2014/TT-BTP quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong TGPL (Thông tư 11) thay thế Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động TGPL. Cách tiếp cận và nội dung của Thông tư 11 đã hướng đến bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ; tạo cơ hội bình đẳng cho nam, nữ trong hoạt động TGPL. Thông tư đã có bước tiến mới trong việc quy định về mục tiêu bảo đảm bình đẳng giới, các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; biện pháp hỗ trợ, bảo vệ bà mẹ và trẻ em; nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới trong TGPL đã được quan tâm nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo hướng lồng ghép để tạo cơ hội bình đẳng cho nam, nữ là đối tượng điều chỉnh hoặc thụ hưởng của chính sách TGPL. Để thực hiện TGPL cho phụ nữ đạt hiệu quả, hầu hết các tổ chức TGPL đã bố trí ít nhất từ 3 - 6 cán bộ nữ có trình độ chuyên môn, có đủ kinh nghiệm để thực hiện TGPL. Hiện nay, trong toàn quốc có 584 Trợ giúp viên pháp lý, trong đó 293 Trợ giúp viên pháp lý là nữ (chiếm 51%) và số lượng cộng tác viên TGPL là nữ cũng chiếm trên 55%.

Từ năm 2011 đến nay, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam thực hiện Chương trình phối hợp liên ngành số 14/CTPH-BTP-

HLHPNVN ngày 10/01/2013 giữa Bộ Tư pháp và Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về việc đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2013 – 2017, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật về giới và dành cho nữ, bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật của phụ nữ để chủ động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như để được bảo vệ trong trường hợp các quyền và lợi ích hợp pháp của họ bị xâm hại. Từ năm 2011 đến nay, theo thống kê của 63 Trung tâm TGPL trong toàn quốc đã thực hiện TGPL được 440.622 vụ việc cho 447.746 người, trong đó có 8501 vụ việc về đại diện, 19.199 vụ bào chữa, 605 vụ đại diện ngoài tố tụng, 402.526 vụ tư vấn, 412 vụ hòa giải và 9441 vụ việc được thực hiện bằng hình thức khác. Về số người được TGPL phân theo giới có 218.680 người là nữ chiếm 48,8%.

2. Trong công tác thi hành án dân sự (THADS): Việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái luôn được Bộ Tư pháp quan tâm chỉ đạo giải quyết, nhiều vụ việc khó khăn, phức tạp đã được tổ chức thi hành dứt điểm. Sự lồng ghép tốt chính sách vì sự tiến bộ phụ nữ và chính sách bình đẳng giới trong hoạt động thi hành án dân sự là một trong những kết quả quan trọng của ngành thi hành án dân sự trong việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Là một lĩnh vực công tác đặc thù, có nhiều khó khăn, vất vả, tuy nhiên trong các năm từ năm 2011 đến năm 2015, đội ngũ cán bộ thi hành án đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em trong thi hành các bản án dân sự.

3. Trong công tác hành chính tư pháp: Quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích của phụ nữ và trẻ em luôn được quán triệt sâu sắc; các vụ việc liên quan đến phụ nữ và trẻ em đều được quan tâm giải quyết bảo đảm kịp thời và đúng quy định. Bảo đảm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em, đồng thời hướng tới mục tiêu 100% trẻ em sinh ra đều được đăng ký khai sinh; Bộ Tư pháp thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao địa phương trong việc thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em, từ năm 2011 đến năm 2015 trên cả nước đã đăng ký khai sinh cho 4.881.144 trẻ em nam, 3.257.523 trường hợp trẻ em nữ; đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài là 6.529 trường hợp là trẻ em nữ và 7503 trường hợp là trẻ em nam.

Trong quá trình giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình, từ năm 2011 đến năm 2015, trên cả nước đã đăng ký kết hôn cho 2.226.081 trường hợp, tuổi kết hôn trung bình lần đầu đối với nam là 25.6, nữ là 22.8; kết hôn có yếu tố nước ngoài là 48.847 trường hợp. Nhìn chung, công tác đăng ký khai sinh và đăng ký kết hôn về cơ bản bảo đảm đúng quy định, đáp ứng được yêu cầu đăng ký của người dân, bảo đảm quyền lợi cho trẻ em.

4. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi: Trong 5 năm từ 2011-2015 Bộ Tư pháp đã tích cực trong việc lồng ghép quan điểm bình đẳng giới vào quá trình xây dựng các văn bản QPPL hướng dẫn thực thi Luật Nuôi con nuôi nhằm bảo vệ quyền của trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái: Thông tư hướng dẫn thủ tục tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 05 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế; Thông tư liên tịch về hướng dẫn việc theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài và bảo vệ trẻ em trong các tình huống cần thiết; Thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, lưu giữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi. Việc bảo vệ quyền, lợi ích của trẻ em nói chung trong đó có trẻ em gái nói riêng đã được quán triệt như một nguyên tắc bao trùm trong quá trình xây dựng và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về nuôi con nuôi. Thực hiện nguyên tắc nêu trên, trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tư pháp không tiếp nhận những nguyện vọng lựa chọn giới tính khi nhận nuôi con nuôi tại Việt Nam, các quy định pháp lý cũng được áp dụng chặt chẽ về điều kiện đối với người nhận con nuôi nhằm hạn chế tối đa khả năng lạm dụng trẻ để hưởng chính sách hoặc bóc lột lao động, tình dục đối với trẻ em. Trong 05 năm từ năm 2011-2015, có 1833 trẻ em được giải quyết làm con nuôi người nước ngoài trong đó có 924 trẻ em nữ (chiếm tỷ lệ 50,4%).

### **PHẦN III**

## **KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT HOẠT ĐỘNG BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **I. Khó khăn, vướng mắc**

#### **1. Đối với việc thực hiện bình đẳng giới trong các cơ quan, đơn vị của Ngành Tư pháp**

- Các công chức, viên chức của Ngành Tư pháp có ưu thế làm việc trong lĩnh vực pháp luật nên có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận, tìm hiểu và nắm bắt được pháp luật về bình đẳng giới, tuy nhiên, phần lớn mới chỉ dừng ở các quy định của pháp luật và chưa nhận thức đầy đủ về nội dung, yêu cầu bình đẳng giới và đặc biệt là kỹ năng để thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong việc thực hiện nhiệm vụ; chưa xác định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ đối với hoạt động bình đẳng giới; nhiều nơi, nhiều đơn vị còn coi đây là hoạt động của Ban nữ công, Tổ nữ công của đơn vị

- Một số hoạt động bình đẳng giới còn mang tính hình thức, thụ động, chưa có sự đổi mới hoạt động của các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ sang hoạt động vì bình đẳng giới làm cho các Ban cũng có những lúng túng nhất định trong việc thực hiện nhiệm vụ. Cùng với đó, trong điều kiện thực tế đội ngũ cán bộ nữ của Bộ, ngành đang có những thay đổi, phát triển nhanh chóng thì hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới cũng chưa có sự thay đổi, chuyển hướng kịp thời. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản vẫn dừng ở các chỉ tiêu, nhiệm vụ chung theo chiến lược

quốc gia và các kế hoạch chung vì bình đẳng giới nên chưa phù hợp với thực tế. Ví dụ như số lượng các công chức nữ trong một số đơn vị là từ 60-70% tổng số công chức thì chỉ tiêu tối thiểu 30% công chức nữ lãnh đạo, quản lý của đơn vị hay bảo đảm có ít nhất 01 công chức nữ lãnh đạo trong những trường hợp nhất định lại trở thành rào cản cho phụ nữ trong việc xem xét, bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Thành viên của Ban nữ công, Ban VSTBPN của ngành, của các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị trong Ngành thực hiện kiêm nhiệm nên thời gian đầu tư cho hoạt động này còn hạn chế. Đặc biệt đội ngũ cán bộ làm công tác nữ ở các đơn vị không qua đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ nên còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

## **2. Đối với việc thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành Tư pháp**

- Nhận thức, hiểu biết, kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của đội ngũ công chức, viên chức còn hạn chế nên dẫn đến những lúng túng, khó khăn trong việc tham mưu, triển khai các hoạt động bình đẳng giới, bảo đảm quyền và vì sự tiến bộ phụ nữ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp, đặc biệt là vấn đề hoạch định và thực thi chính sách. Vẫn còn một bộ phận cán bộ coi việc thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ chỉ là hoạt động nữ công và hướng đến sự tiến bộ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ trong phạm vi của cơ quan, đơn vị mà chưa thấy được trách nhiệm của cả hai giới nam và nữ công chức, viên chức trong việc thực hiện bình đẳng giới trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

- Việc triển khai các hoạt động bình đẳng giới trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành còn chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức nên nội dung, hình thức hoạt động chưa phong phú. Trong giai đoạn 2011-2015, kết quả công tác lồng ghép giới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Tư pháp mới chỉ thấy trong các hoạt động lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới và trợ giúp pháp lý (qua việc ban hành Thông tư về thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý).

- Chưa có điều kiện bảo đảm cho việc triển khai các hoạt động bình đẳng giới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước, đặc biệt là vấn đề kinh phí. Ngay cả đối với những hoạt động lồng ghép giới cụ thể theo quy định của Luật cũng gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện như việc tập huấn cho thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động giới trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; thống kê số liệu có phân tách về giới để phục vụ cho việc xây dựng, hoạch định, thực thi các chính sách quản lý nhà nước.

## **II. Định hướng hoạt động bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020**

### **1. Về định hướng triển khai hoạt động bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020**

- Nâng cao nhận thức về hoạt động bình đẳng giới của công chức, viên chức trong ngành Tư pháp theo hướng xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cả hai giới trong việc thực hiện các hoạt động bình đẳng giới; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện hoạt động bình đẳng giới.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; nâng cao năng lực, tăng cường sự tham gia của các công chức, viên chức nữ trong các vị trí lãnh đạo, quản lý và xây dựng đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ

- Nâng cao hiệu quả hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chuẩn bị cho việc thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (chung)

- Chú trọng đến việc triển khai các hoạt động bình đẳng giới trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp, bảo đảm quyền và tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ đối với các lĩnh vực hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động bình đẳng giới trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Tư pháp

### **2. Các nhiệm vụ, giải pháp**

1. Xác định kế hoạch hoạt động bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 phù hợp với Chiến lược quốc gia bình đẳng giới và tình hình thực tiễn, yêu cầu nhiệm vụ của Bộ, Ngành; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vấn đề bình đẳng giới trong công chức, viên chức.

2. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, văn bản về bình đẳng giới nhằm áp dụng một cách thống nhất và đầy đủ; thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật. rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo thực hiện lồng ghép giới trong các quy định, chính sách liên quan đến quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, nghỉ thai sản, nghỉ hưu...đối với phụ nữ

3. Tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giới, phân tích giới, lồng ghép giới cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở trung ương và địa phương.

4. Tăng cường công tác theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra về việc thực hiện bình đẳng giới; thực hiện công tác thống kê bình đẳng giới theo quy định; thường xuyên đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác bình đẳng giới.

5. Đề xuất bố trí kinh phí cho các hoạt động liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo triển khai nhiệm vụ có hiệu quả, kinh phí cho thực hiện Dự án truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới để bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Phổ biến giáo dục pháp luật về Bình đẳng giới, kinh phí cho việc lồng ghép giới, bình đẳng giới trong các hoạt động chuyên môn của Ngành: xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hộ tịch, thi hành án... bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp được giao tại Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới.

Trên đây là báo cáo Báo cáo đánh giá tình hình triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015, đề xuất giai đoạn 2016-2020, Bộ Tư pháp xin gửi Bộ Lao động – Thương binh và xã hội./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban QG VSTBPN Việt Nam (đề b/c);
- Bộ LĐTB&XH (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thành viên Ban VSTBPN (đề biết);
- Lưu VT, BVSTBPN.

**TM. BAN VSTBPN NGÀNH TƯ PHÁP**  
**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Lê Tiên Châu**